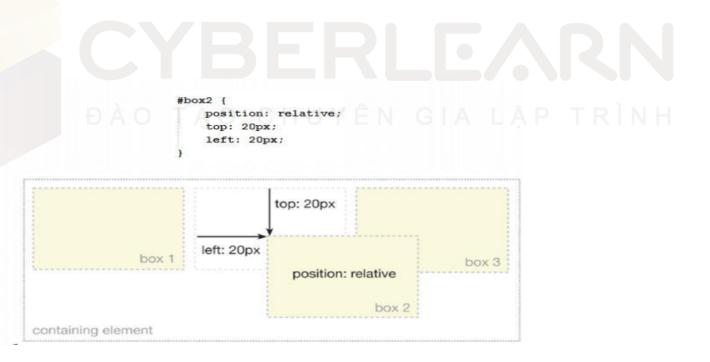




Position:

- Thuộc tính position dùng để căn chỉnh vị trí, gồm các giá trị sau:
 - Relative: di chuyển phần tử theo vị trí tương đối hiện tại
 - Absolute: di chuyển phần tử theo phẩn tử cha chứa nó
 - Fixed: cố định phần tử trên trang web
- Các thuộc tính đi kèm với position để căn chỉnh vị trí cho phần tử:
 - Top , Left, Right, Bottom
 - Z-index

- position: relative
 - Di chuyển phần tử từ vị trí hiện tại của nó



- > position: absolute
 - Phần tử di chuyển theo phần tử cha bao bên ngoài nó cũng có thuộc tính position, nếu không thì phần tử di chuyển theo thẻ body

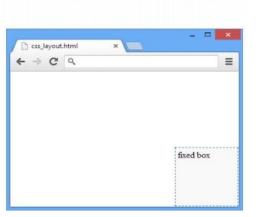
```
DAO T #box2 { CHUYEN GIALAP TRINH
    position: absolute;
    top: 20px;
    left: 20px;
}
```

```
left: 20px
box 1 position: absolute box 3
box 2
relatively positioned ancestor
```

position: fixed

- Phần tử di chuyển theo phần tử cha bao bên ngoài nó cũng có thuộc tính position, nếu không thì phần tử di chuyển theo cửa sổ trình duyệt.
- Fixed khác absolute ở chỗ khi dùng fixed thì dù scroll xuống dưới thì
 phần tử vẫn nằm cố định tại ví trị đó trên màn hình

```
#fixed {
   position: fixed;
   bottom: 0;
   right: 0;
}
```



- Position theo quan hệ cha con:
 - Ở thẻ cha, cho thuộc tính position (thường là relative để thẻ cha không di chuyển, chỉ làm mốc để di chuyển thẻ con bên trong nó)
 - Ở thẻ con, ta gắn thuộc tính position:absolute để di chuyển nó đi bên trong thẻ cha

